TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 25/2020/DS-ST
Ngày: 24-7-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thành;

2. Ông Đào Văn Nô.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2020/TLST-DS ngày 25/02/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 32/1 khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc Đ, sinh năm 1998; thường trú: Ấp 2, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ liên hệ: 467 Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2019). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Bích Ph, sinh năm 1963, địa chỉ: Số 039 khu phố V, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1986, địa chỉ: Số 039 khu phố V, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đặng Thị Ngọc Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc P và bà Đặng Thị Bích Ph có mối quan hệ quen biết nhau. Do gặp khó khăn nên bà Ph đã liên hệ với bà P để vay số tiền 205.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay từ ngày 15/6/2017 đến ngày 15/6/2018, khi vay hai bên có làm Hợp đồng cho vay tiền. Để đảm bảo cho khoản vay, bà Ph thế chấp cho bà P 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T49253, số vào số 02278 QSDĐ/TU do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp ngày 09/01/2002 cho hộ bà Đặng Thị Bích Ph đối với thửa đất số 644, tờ bản đồ số 24 tại xã (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh Bình Dương.

Từ tháng 4/2018 đến tháng 9/2018, bà Ph đã thanh toán cho bà P được số tiền gốc là 28.000.000 đồng và 02 tháng tiền lãi là 4.100.000 đồng. Khi đến hạn thanh toán nhưng bà Ph không thực hiện dù bà P đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán nợ.

Theo đơn khởi kiện ban đầu, bà P yêu cầu bà Ph phải thanh toán tổng số tiền là 250.350.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra lại các lần trả nợ của bà Ph, bà P rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Ph phải thanh toán số tiền 26.120.000 đồng. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Ngọc P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Kim Ph có trách nhiệm thanh toán cho bà P số nợ gốc còn lại là 177.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/6/2017 đến nay (29 tháng) với lãi suất 1%/tháng, sau khi trừ đi tiền lãi đã thanh toán 4.100.000 đồng thì số tiền lãi mà bà Ph còn phải thanh toán cho bà P là 47.230.000 đồng. Tổng số tiền bà P yêu cầu bà Ph phải thanh toán là 224.230.000 đồng.

Sau khi bà Ph thanh toán xong số nợ thì bà P có trách nhiệm trả lại cho bà Ph bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T49253, số vào số 02278 QSDĐ/TU do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp ngày 09/01/2002 cho hộ bà Đặng Thị Bích Ph.

Tại bản tự khai nộp cho Tòa án, bị đơn Đặng Thị Bích Ph trình bày: Bà Ph xác định có ký hợp đồng vay tiền thể hiện việc bà Ph có vay của bà P số tiền 205.000.000 đồng. Tuy nhiên đó không phải hoàn toàn là tiền bà Ph vay mà là do con dâu của bà Ph vay và tiền lãi suất chưa thanh toán nên khi làm giấy vay thì bà P đã yêu cầu ghi vào như vậy, thực tế lãi suất bà P tính là từ 10% đến 20% một tháng, không phải là 1% như bà P trình bày. Nay do điều kiện khó khăn nên bà Ph đề nghị bà P giảm hết tiền lãi mà chỉ lấy tiền gốc thực tế để bà Ph cùng con là Nguyễn Thị Kim Y thanh toán cho bà P. Do bận công việc, bà Ph có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Xác định trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự thủ tục phiên tòa. Viện kiểm sát không có kiến nghị khắc phục.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã (nay là phường) T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Đặng Thị Bích Ph vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim Y đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Ph và bà Y là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét nội dung tranh chấp giữa các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 15/6/2017, giữa bà Nguyễn Thị Ngọc P và bà Đặng Thị Bích Ph có ký kết hợp đồng cho vay tiền, nội dung thể hiện bà Ph vay của bà P số tiền 205.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 15/6/2017 đến 15/6/2018, lãi suất thỏa thuận trong hạn là 1%/tháng. Trọng quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác định có ký hợp đồng vay tiền như trên, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên đều có đủ năng lực trách nhiệm dân sự, không ai bị cưỡng ép, lừa dối. Vì vậy, hợp đồng đã ký giữa bà P và bà Ph phát sinh hiệu lực pháp luật, buộc các bên phải có trách nhiệm thực hiện.

Khi đến hạn thanh toán nhưng bà Ph không thanh toán nợ gốc và lãi như thỏa thuận cho bà P. Vì vậy, bà P khởi kiện yêu cầu bà Ph phải thanh toán nợ và lãi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Ph phải có trách nhiệm thanh toán cho bà P tổng số tiền 224.230.000 đồng, trong đó có 177.000.000 đồng tiền

nợ gốc và 47.230.000 đồng tiền lãi. Bị đơn bà Ph xác định có vay và ký giấy vay với bà P với tổng số tiền nợ gốc là 205.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chỉ thanh toán cho bà P được số tiền gốc là 28.000.000 đồng và một số tiền lãi hàng tháng. Bà Ph cho rằng hàng tháng phải thanh toán lãi từ 10% trở lên cũng như việc vay tiền là vay cho con của bà nhưng bà Ph không cung cấp được chứng cứ có giá trị chứng minh cho phần trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

Bà Ph xác định ký kết hợp đồng vay tiền của bà P với số tiền 205.000.000 đồng và đã thanh toán được 28.000.000 đồng. Như vậy, số tiền nợ gốc còn lại mà bà Ph chưa thanh toán cho bà P là 177.000.000 đồng. Do đó yêu cầu của bà P về việc buộc là Ph phải thanh toán số tiền nợ gốc 177.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà P yêu cầu bà Ph phải thanh toán tổng số tiền lãi là 47.230.000 đồng, theo mức lãi suất 1%/tháng trong thời gian 29 tháng tính trên số nợ gốc là 177.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại hợp đồng vay tài sản, các bên chỉ thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1%/tháng, không thỏa thuận với nhau về lãi suất quá hạn. Vì vậy, yêu cầu tính lãi 1%/tháng của bà P chỉ có căn cứ chấp nhận mức lãi suất 1%/tháng đối với số tiền gốc 177.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng (trong thời vay), tương đương số tiền 21.240.000 đồng. Đối với thời gian yêu cầu tính lãi còn lại là 17 tháng (quá thời hạn vay), do các bên không thỏa thuận mức lãi suất cho nên chỉ có cơ sở xem xét mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương đương số tiền 177.000.000 đồng x 0.83% x 17 tháng = 24.974.700 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi bà P yêu cầu bà Ph thanh toán có căn cứ pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận là 46.214.700 đồng.

Đối với số tiền lãi bà P yêu cầu đối với bà Ph vượt quá theo quy định là 47.230.000 đồng – 46.214.700 đồng = 1.015.300 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc trả lại cho bà Ph bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T49253, số vào số 02278 QSDĐ/TU do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp ngày 09/01/2002 cho hộ bà Đặng Thị Bích Ph.

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán số tiền 26.120.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn Đặng Thị Bích Ph.

Buộc bà Đặng Thị Bích Ph có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền nợ gốc là 177.000.000 đồng và tiền lãi là 46.214.700 đồng. Tổng số tiền bà Ph phải có trách nhiệm thanh toán cho bà P là 223.214.700 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm mười bốn nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với bị đơn bà Đặng Thị Bích Ph về việc thanh toán số tiền lãi 1.015.300 đồng (Một triệu không trăm mười lăm nghìn ba trăm đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với bị đơn bà Đặng Thị Bích Ph về việc yêu cầu thanh toán số tiền 26.120.000 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

4. Ghi nhận tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc P về việc bà P có trách nhiệm hoàn trả cho bà Đặng Thị Bích Ph bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T49253, số vào số 02278 QSDĐ/TU do UBND huyện (nay là thị xã) T cấp ngày 09/01/2002 cho hộ bà Đặng Thị Bích Ph.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị Bích Ph phải nộp 11.160.700 đồng (Mười một triệu một trăm sáu mươi nghìn bảy trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị Ngọc P phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 6.258.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037645 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền 5.958.000 đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm